Chi tiết mã HS 9002.19.00

Mã HS	9002.19.00
Mô tả hàng hóa	Thấu kính, lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, đã lắp ráp, là các bộ phận hoặc phụ kiện để lắp ráp cho các dụng cụ hoặc thiết bị, trừ loại làm bằng thủy tinh chưa được gia công quang học / - Vật kính: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 10:52:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90021900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17928
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17928
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17928
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17227
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17156
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17156
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17156
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17156
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17156
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17156
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17212
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17212
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17212

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17212
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17212
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17212
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17213
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17213
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17213
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17213
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17213
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17213
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17218
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17174
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17170
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17170
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17170
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17170
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17170
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17170
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17216
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17216
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17216
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17216
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17216
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17216
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17278
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17278
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17278

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17278
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17278
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17278
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17254
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17254
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17254
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17254
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17254
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17254
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17249
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17249
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17249
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17249
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17249
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17249
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17279
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17279
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17279
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17279
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17279
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17279
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17278
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17278
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17278
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17278
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17278

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17278
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17372
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17372
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17372
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17372
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17372
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17372
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17372
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17241
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17241
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17241
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17241
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17241
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17241
RCEP B	2022	2022	0	B!D17241
RCEP B	2023	2023	0	B!E17241
RCEP B	2024	2024	0	B!F17241
RCEP B	2025	2025	0	B!G17241
RCEP B	2026	2026	0	B!H17241
RCEP B	2027	2027	0	B!I17241
RCEP C	2022	2022	0	C!D17239
RCEP C	2023	2023	0	C!E17239
RCEP C	2024	2024	0	C!F17239
RCEP C	2025	2025	0	C!G17239
RCEP C	2026	2026	0	C!H17239
RCEP C	2027	2027	0	C!I17239

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D17238
RCEP D	2023	2023	0	D!E17238
RCEP D	2024	2024	0	D!F17238
RCEP D	2025	2025	0	D!G17238
RCEP D	2026	2026	0	D!H17238
RCEP D	2027	2027	0	D!I17238
RCEP E	2022	2022	0	E!D17242
RCEP E	2023	2023	0	E!E17242
RCEP E	2024	2024	0	E!F17242
RCEP E	2025	2025	0	E!G17242
RCEP E	2026	2026	0	E!H17242
RCEP E	2027	2027	0	E!I17242
RCEP F	2022	2022	0	F!D17241
RCEP F	2023	2023	0	F!E17241
RCEP F	2024	2024	0	F!F17241
RCEP F	2025	2025	0	F!G17241
RCEP F	2026	2026	0	F!H17241
RCEP F	2027	2027	0	F!I17241
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16170
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16170
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16170
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16170

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9002.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9002.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17928), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.